

THÍ ĐIỂM DẠY HỌC BẰNG HÌNH THỨC SÂN KHẤU HÓA TÁC PHẨM VĂN HỌC TẠI HỌC VIỆN MÚA VIỆT NAM

Trịnh Thị Hồng Hạnh¹

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu và đánh giá việc tổ chức dạy học Ngữ văn theo hình thức sân khấu hóa tại Học viện Múa Việt Nam – một môi trường giáo dục nghệ thuật đặc thù, nơi học sinh được đào tạo chuyên sâu về biểu diễn hình thể. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ liên ngành giữa văn học và nghệ thuật sân khấu, đặc biệt là nghệ thuật múa, nghiên cứu tiến hành thực nghiệm sư phạm đối với các văn bản tiêu biểu trong chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), gồm: Xúy Vân giả dại (chèo Kim Nham), đoạn trích Người cầm quyền khôi phục uy quyền (từ Những người khốn khổ của Victor Hugo) và Chí Phèo (Nam Cao).

Thông qua việc thiết kế quy trình dạy học gồm các bước: phân tích văn bản – xây dựng kịch bản – dàn dựng – biểu diễn – đánh giá, nghiên cứu đã làm rõ hiệu quả của phương pháp sân khấu hóa trong việc nâng cao hứng thú học tập, phát triển năng lực cảm thụ văn học, năng lực thẩm mỹ, cũng như khả năng biểu đạt cảm xúc thông qua hình thể của học sinh.

Kết quả khảo sát cho thấy sự chuyển biến tích cực rõ rệt ở cả phương diện định lượng và định tính. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc tham chiếu các dàn dựng sân khấu chuyên nghiệp góp phần nâng cao tính thực tiễn, tính định hướng nghề nghiệp và chất lượng đào tạo.

Từ khóa: sân khấu hóa, dạy học Ngữ văn, nghệ thuật múa, phát triển năng lực, liên ngành.

1. MỞ ĐẦU

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong tư duy giáo dục, từ mô hình dạy học truyền thụ tri thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Trong bối cảnh đó, môn Ngữ văn không còn dừng lại ở việc giúp học sinh hiểu nội dung văn bản mà hướng tới hình thành năng lực cảm thụ, năng lực thẩm mỹ và khả năng vận dụng tri thức văn học vào đời sống.

Tuy nhiên, thực tiễn dạy học cho thấy việc tiếp cận văn học trong nhà trường vẫn còn nặng về phân tích, ghi nhớ, thiếu yếu tố trải nghiệm. Học sinh nhiều khi tiếp nhận tác phẩm một cách thụ động, dẫn đến giảm hứng thú học tập và hạn chế khả năng sáng tạo. Điều này đặt ra yêu cầu cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học.

Trong xu thế đó, sân khấu hóa tác phẩm văn học nổi lên như một phương pháp dạy học giàu tiềm năng. Đây không chỉ là hình thức minh họa nội dung mà còn là một quá trình tái sáng tạo, trong đó học sinh tham gia trực tiếp vào việc chuyển thể văn bản thành hành động nghệ thuật. Việc “nhập vai” nhân vật giúp người học tiếp cận tác phẩm từ bên trong, hiểu sâu sắc hơn về tâm lý, số phận và tư tưởng của nhân vật.

¹ Học viện Múa Việt Nam

Đặc biệt, tại Học viện Múa Việt Nam – nơi đào tạo học sinh có năng khiếu nghệ thuật biểu diễn – việc vận dụng sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn mang ý nghĩa đặc biệt. Không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tiếp nhận văn học, phương pháp này còn tạo điều kiện phát huy thế mạnh về hình thể, cảm xúc và tư duy nghệ thuật của học sinh. Đây cũng là cơ hội để thực hiện tích hợp liên môn giữa văn học và nghệ thuật biểu diễn – một xu hướng giáo dục hiện đại.

Một điểm đáng chú ý là nhiều tác phẩm văn học trong chương trình phổ thông đã được chuyển thể thành các tác phẩm sân khấu chuyên nghiệp, tiêu biểu như vở *Những người khốn khổ* do Nhà hát Nhạc Vũ kịch Việt Nam dàn dựng dưới sự chỉ đạo của NSND Trần Ly Ly. Thực tiễn nghệ thuật cũng cho thấy nhiều tác phẩm văn học đã được chuyển thể thành công trên sân khấu chuyên nghiệp, từ kịch nói đến nhạc kịch, múa đương đại. Những thành công này không chỉ khẳng định sức sống của văn học mà còn mở ra hướng tiếp cận mới trong dạy học. Vì vậy, việc nghiên cứu và thí điểm phương pháp sân khấu hóa trong môi trường đặc thù như Học viện Múa Việt Nam là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao.

Trên cơ sở đó, bài viết hướng tới ba mục tiêu chính: (1) làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn tại Học viện Múa Việt Nam; (2) thí điểm triển khai phương pháp này đối với một số văn bản trong chương trình lớp 10, 11; (3) đánh giá bước đầu hiệu quả của phương pháp trên các phương diện hứng thú học tập, năng lực cảm thụ văn học, năng lực thẩm mỹ và khả năng biểu đạt hình thể của học sinh.”

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn

2.1.1.1. Sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn

Sân khấu hóa tác phẩm văn học là quá trình chuyển đổi từ văn bản ngôn từ sang hình thức biểu diễn, trong đó nội dung tác phẩm được tái hiện thông qua hành động, lời thoại, âm thanh và chuyển động hình thể. Đây là một hình thức dạy học tích cực, đặt người học vào vị trí chủ thể sáng tạo. Theo quan điểm của lý thuyết kiến tạo, tri thức không phải là cái được truyền đạt nguyên vẹn từ giáo viên sang người học mà được hình thành thông qua quá trình tương tác và trải nghiệm của chính người học (Piaget, 1970; Vygotsky, 1978). Trong bối cảnh đó, sân khấu hóa tác phẩm văn học tạo điều kiện để học sinh tham gia vào quá trình kiến tạo ý nghĩa thông qua hoạt động nhập vai và biểu diễn.

Về bản chất, sân khấu hóa không đơn thuần là “diễn lại” văn bản mà là một quá trình tái cấu trúc. Sân khấu hóa tạo ra môi trường học tập mang tính trải nghiệm, trong đó cảm xúc đóng vai trò trung tâm. Khi học sinh “sống” trong hoàn cảnh của nhân vật, việc tiếp nhận văn học trở nên sâu sắc và bền vững hơn. Cần lưu ý sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn không chỉ là “chuyển thể văn bản thành kịch bản và biểu diễn”, mà là một quá trình tái cấu trúc tác phẩm theo mục tiêu sư phạm. trong môi trường dạy học, sân khấu

hóa không nhằm thay thế việc đọc hiểu văn bản, mà là một phương thức hỗ trợ học sinh khám phá xung đột, tính cách nhân vật, tình huống và tư tưởng tác phẩm bằng trải nghiệm.

Xét dưới góc độ sư phạm, sân khấu hóa là một hình thức dạy học tích cực, trong đó người học kiến tạo ý nghĩa văn bản thông qua hoạt động nhập vai, tương tác và biểu diễn. Việc học diễn ra không chỉ qua phân tích ngôn từ mà còn qua trải nghiệm cảm xúc, hành động và hợp tác nhóm.

2.1.1.2. *Mối quan hệ giữa văn học và nghệ thuật múa*

Văn học và nghệ thuật múa đều phản ánh đời sống con người nhưng sử dụng những phương tiện biểu đạt khác nhau. Văn học dựa vào ngôn từ để xây dựng hình tượng, trong khi múa sử dụng cơ thể, chuyển động và nhịp điệu. Tuy nhiên, chính sự khác biệt này lại tạo nên khả năng bổ sung lẫn nhau. Nếu văn học giúp hình thành nội dung, tư tưởng và chiều sâu tâm lý thì múa lại mang đến khả năng biểu đạt trực quan, giàu cảm xúc. Nếu văn học kiến tạo hình tượng bằng ngôn từ và kết cấu tự sự, thì múa biểu đạt nội dung bằng hình thể, động tác, nhịp điệu và không gian vận động. Chính sự khác biệt về chất liệu biểu đạt này tạo ra khả năng chuyển hóa từ văn bản ngôn từ sang biểu đạt sân khấu, đặc biệt phù hợp với môi trường giáo dục nghệ thuật. Có thể khẳng định rằng: Văn học là “kịch bản tiềm ẩn” còn múa là “sự hiện thực hóa cảm xúc”. Sự kết hợp giữa hai loại hình nghệ thuật này tạo nên một không gian liên ngành, trong đó người học không chỉ đọc hiểu mà còn “cảm nhận bằng cơ thể”. Điều này cũng phù hợp với quan điểm về đa trí tuệ, trong đó trí thông minh vận động (bodily-kinesthetic intelligence) đóng vai trò quan trọng trong quá trình nhận thức thông qua hoạt động hình thể (Gardner, 1983). Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng cho việc vận dụng sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn tại môi trường đào tạo nghệ thuật.

2.2. **Cơ sở thực tiễn: từ sân khấu chuyên nghiệp đến lớp học**

2.2.1. *Từ văn bản văn học đến tác phẩm sân khấu: một xu hướng phổ biến*

Trong lịch sử nghệ thuật, việc chuyển thể văn học sang sân khấu là một hiện tượng phổ biến và có tính kế thừa lâu dài. Nhiều tác phẩm văn học lớn đã được chuyển thể thành: Kịch nói, nhạc kịch, chèo, tuồng, kịch hình thể. Tác phẩm *Những người khốn khổ* (V. Huy gô) được dàn dựng thành nhạc kịch; truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) từng có các hình thức sân khấu hóa khác nhau; các trích đoạn chèo như *Xuý Vân giả dại* vốn là dạng văn bản đã gắn liền với biểu diễn. Những chuyển thể này không chỉ làm phong phú đời sống nghệ thuật mà còn góp phần đưa văn học đến gần hơn với công chúng. Đồng thời, chúng cũng tạo ra những mô hình tham chiếu quan trọng cho hoạt động dạy học.

2.2.2. *Những đặc trưng nghệ thuật rút ra từ các dàn dựng chuyên nghiệp*

2.2.2.1. *Ngôn ngữ hình thể như một phương tiện biểu đạt trung tâm*

Trong sân khấu, đặc biệt là múa và nhạc kịch, cơ thể không chỉ minh họa cho lời thoại mà còn trực tiếp mang chức năng biểu đạt. Biên độ chuyển động, tốc độ, hướng vận động và sắc thái động tác có thể phản ánh tâm trạng, tính cách và trạng thái nội tâm của

nhân vật. Vì vậy, khi đưa vào lớp học, học sinh có thể sử dụng ngôn ngữ hình thể như một phương tiện để khám phá và tái hiện chiều sâu tâm lý nhân vật.

Ví dụ, trong các dàn dựng *Chi Phèo*, trạng thái tha hóa của nhân vật không chỉ thể hiện qua lời thoại mà còn qua: Dáng đi xiêu vẹo, cử chỉ mất kiểm soát, nhịp điệu rối loạn. Điều này cho thấy ngôn ngữ hình thể có khả năng truyền tải nội dung sâu sắc không kém ngôn từ.

2.2.2.2. Nhịp điệu sân khấu – yếu tố tổ chức cảm xúc

Nhịp điệu đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết cảm xúc của người xem. Sự thay đổi nhịp điệu giúp tạo nên cao trào và chiều sâu tâm lý. Nhịp nhanh: căng thẳng, xung đột; nhịp chậm: nội tâm, suy tư. Trong các dàn dựng chuyên nghiệp, nhịp điệu không chỉ là yếu tố kỹ thuật mà còn là phương tiện biểu đạt nghệ thuật.

2.2.2.3. Tính kịch – hạt nhân của chuyển thể sân khấu

Tính kịch là yếu tố cốt lõi giúp văn bản văn học có thể chuyển thể thành sân khấu. Những đoạn văn có xung đột, cao trào và nội tâm phức tạp thường được lựa chọn để dàn dựng. Trong dạy học, việc khai thác yếu tố kịch giúp học sinh: nhận diện xung đột, hiểu sâu bản chất nhân vật, tái hiện nội dung bằng hành động. Chính yếu tố kịch tính này tạo điều kiện cho việc chuyển thể thành hành động sân khấu, giúp người xem “thấy” được những gì văn học “kể”. Khi áp dụng vào dạy học, học sinh có thể xây dựng “ngôn ngữ hình thể” riêng cho từng nhân vật. Điều này giúp học sinh cảm nhận sâu sắc hơn bản chất của xung đột thay vì chỉ phân tích bằng lời.

2.3. Tổ chức thực nghiệm dạy học

2.3.1. Đối tượng và phương pháp

Thực nghiệm được tiến hành trên 02 lớp tại Học viện Múa Việt Nam, gồm 01 lớp 10 và 01 lớp 11, với tổng số 60 học sinh. Đây là những học sinh có nền tảng đào tạo nghệ thuật biểu diễn, thuận lợi cho việc triển khai hoạt động sân khấu hóa. Thực nghiệm được tổ chức trong quá trình dạy học một số văn bản thuộc chương trình Ngữ văn lớp 10, 11. Nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp: thực nghiệm sư phạm, quan sát lớp học và khảo sát bằng phiếu hỏi trước – sau thực nghiệm nhằm đánh giá mức độ hứng thú học tập và một số biểu hiện năng lực của học sinh. Các phương pháp được sử dụng bao gồm: thực nghiệm sư phạm; quan sát; khảo sát bằng phiếu hỏi...

Việc kết hợp nhiều phương pháp giúp đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Mô hình dạy học này có thể được lý giải dựa trên chu trình học tập trải nghiệm của Kolb (1984), trong đó việc học diễn ra thông qua bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, phản tư, khái quát hóa và vận dụng. Sân khấu hóa, với đặc trưng là sự tham gia trực tiếp của người học vào hoạt động biểu diễn, đã tạo điều kiện để chu trình này được thực hiện một cách đầy đủ và hiệu quả.

2.3.2. Quy trình tổ chức

Quy trình dạy học được thiết kế theo 4 bước:

1. Phân tích văn bản: Ở bước phân tích văn bản, giáo viên hướng dẫn học sinh nhận diện xung đột, tình huống, nhân vật trung tâm và các chi tiết có khả năng chuyển hóa thành hành động sân khấu

2. Xây dựng kịch bản: Ở bước này, học sinh lựa chọn những cảnh tiêu biểu, chuyển lời kể thành lời thoại hoặc động tác, đồng thời xác định cách thể hiện bằng hình thể.

3. Dàn dựng luyện tập: Ở bước dàn dựng – luyện tập, các nhóm tiến hành phân vai, xây dựng động tác, đội hình, nhịp điệu và phối hợp biểu diễn.

4. Biểu diễn đánh giá: Ở bước biểu diễn – đánh giá, học sinh trình bày sản phẩm trước lớp; giáo viên và các nhóm khác nhận xét dựa trên các tiêu chí: mức độ hiểu tác phẩm, khả năng biểu đạt nhân vật, tinh thần hợp tác và tính sáng tạo.

Quy trình này đảm bảo tính logic, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh tham gia chủ động vào toàn bộ quá trình học tập.

2.4. Khả năng "múa hóa" tác phẩm văn học

2.4.1. Xuy Vân giả dại – hình mẫu của "văn học đã được vũ đạo hóa"

Với *Xuy Vân giả dại*, ưu thế nổi bật là bản thân văn bản đã gắn với hình thức chèo – một loại hình nghệ thuật vừa giàu tính tự sự vừa giàu tính biểu diễn. Trong dạy học, học sinh không chỉ tái hiện lớp động tác truyền thống mà còn có thể khai thác sự đứt gãy tâm lý của nhân vật thông qua nhịp điệu, động tác lặp, tương phản giữa vẻ ngoài ‘giả dại’ và nội tâm nhiều giằng xé. Đây là trường hợp đặc biệt cho thấy khả năng gặp gỡ gắn gũi giữa văn học và múa.

2.4.2. Người cầm quyền khôi phục uy quyền – xung đột kịch và biểu đạt hình thể

Trong các dàn dựng nhạc kịch của Nhà hát Nhạc Vũ kịch Việt Nam, xung đột giữa Giảng Van-giăng và Gia-ve được NSND Trần Ly Ly nhấn mạnh bằng: tương phản động tác (mạnh – mềm, cứng – linh hoạt); di chuyển không gian (tiến – lùi, áp đảo – né tránh). Khi chuyển thể vào lớp học, học sinh có thể xây dựng hai hệ vận động đối lập: một bên thiên về cứng, mạnh, chiếm lĩnh không gian; một bên mềm, linh hoạt nhưng có chiều sâu nội tâm. Việc thể hiện xung đột qua không gian vận động sẽ giúp học sinh cảm nhận rõ hơn bản chất của quyền lực, áp chế và nhân tính trong đoạn trích.”

2.4.3. Chí Phèo – bi kịch thân phận qua ngôn ngữ cơ thể

Các dàn dựng sân khấu của NSUT Nguyễn Bá Thái cho thấy:

Trạng thái “say” không chỉ là lời nói mà là toàn bộ cơ thể

Sự tha hóa được biểu hiện qua dáng đi, cử chỉ, ánh nhìn

Trong dạy học, điều quan trọng không phải là tái hiện bề ngoài say rượu của Chí Phèo, mà là giúp học sinh cảm nhận bi kịch tinh thần của một con người bị đẩy ra ngoài xã hội loài người. Vì vậy, các tổ hợp động tác cần hướng tới biểu đạt cảm giác cô độc, bế tắc, khát khao được thừa nhận rồi lại bị phủ nhận. Qua đó, tác phẩm không chỉ được “hiểu” mà còn được “cảm” bằng cơ thể.

2.5. Kết quả khảo sát thực nghiệm

2.5.1. Mức độ hứng thú học tập

Kết quả khảo sát được thu từ 60 học sinh tham gia thực nghiệm, tiến hành ở hai thời điểm trước và sau khi áp dụng phương pháp sân khấu hóa.

Mức độ	Trước (%)	Sau (%)
Rất hứng thú	15	52
Hứng thú	40	38
Bình thường	35	8
Không hứng thú	10	2

→ Hứng thú tăng rõ rệt sau khi áp dụng phương pháp.

2.5.2. Mức độ phát triển năng lực

Quan sát thực nghiệm cho thấy năng lực cảm thụ văn học của học sinh có xu hướng chuyển từ mức trung bình lên khá, từ Khá lên Tốt. Các mức này được xác định trên cơ sở quan sát kết hợp với phản hồi học sinh/giáo viên theo các biểu hiện cụ thể như mức độ chủ động phân tích nhân vật, khả năng biểu đạt cảm xúc, tinh thần phối hợp nhóm, mức độ sáng tạo trong dàn dựng. Cụ thể:

Năng lực	Trước	Sau
Cảm thụ văn học	Trung bình	Khá
Biểu đạt cảm xúc	Trung bình	Tốt
Làm việc nhóm	Khá	Tốt
Sáng tạo	Trung bình	Khá – Tốt

2.5.3. Nhận xét định tính

Quan sát quá trình thực nghiệm cho thấy học sinh tham gia chủ động hơn trong việc phân tích nhân vật, đề xuất ý tưởng dàn dựng và phối hợp biểu diễn. Không khí lớp học trở nên sôi nổi, giàu tương tác hơn so với giờ học văn truyền thống. Đặc biệt, việc nhập vai và biểu đạt bằng hình thể giúp nhiều học sinh hiểu sâu hơn tâm lý nhân vật, từ đó có cách tiếp cận tác phẩm giàu cảm xúc và cá nhân hơn.

2.6. Bàn luận

Kết quả thực nghiệm của nghiên cứu này có thể được lí giải và đặt trong mối liên hệ với một số khung lí thuyết giáo dục hiện đại, đặc biệt là lí thuyết kiến tạo (constructivism), học tập trải nghiệm (experiential learning) và dạy học tích hợp nghệ thuật (arts-integrated learning).

Trước hết, dưới góc độ lí thuyết kiến tạo, tri thức không phải là cái có sẵn để truyền đạt mà được người học kiến tạo thông qua hoạt động và trải nghiệm (Piaget, 1970; Vygotsky, 1978). Trong mô hình dạy học sân khấu hóa, học sinh không tiếp nhận văn bản

một cách thụ động mà tham gia vào quá trình “tái kiến tạo” ý nghĩa thông qua việc chuyển thể và biểu diễn. Việc lựa chọn chi tiết, xây dựng kịch bản và thể hiện nhân vật chính là quá trình học sinh chủ động kiến tạo tri thức văn học dựa trên hiểu biết và trải nghiệm cá nhân. Điều này lí giải vì sao mức độ hiểu và ghi nhớ của học sinh được nâng cao một cách rõ rệt sau thực nghiệm.

Tiếp theo, từ góc nhìn của học tập trải nghiệm (Kolb, 1984), quá trình học tập hiệu quả cần trải qua bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể – phản tư – khái quát hóa – vận dụng. Nhờ đó, việc học không chỉ dừng lại ở mức độ hiểu mà còn đạt tới mức độ vận dụng và sáng tạo – những bậc cao trong thang nhận thức.

Bên cạnh đó, phương pháp này còn có thể được nhìn nhận trong khuôn khổ dạy học tích hợp nghệ thuật (arts integration) – một xu hướng giáo dục hiện đại nhằm kết nối các lĩnh vực nghệ thuật với các môn học khác. Trong nghiên cứu này, sự tích hợp giữa văn học và nghệ thuật múa đã tạo ra một môi trường học tập đa phương thức (multimodal learning), trong đó học sinh tiếp nhận tri thức thông qua nhiều kênh: ngôn ngữ, hình thể, âm thanh và không gian. Điều này đặc biệt phù hợp với đặc điểm người học tại Học viện Múa Việt Nam – những người có ưu thế về trí thông minh vận động (bodily-kinesthetic intelligence) theo thuyết đa trí tuệ của Gardner (1983).

Tuy nhiên, việc triển khai sân khấu hóa trong dạy học cũng đặt ra những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu. Trước hết là vấn đề cân bằng giữa “tính nghệ thuật” và “tính học thuật”. Cần xác lập một nguyên tắc sự phạm rõ ràng: sân khấu hóa phải phục vụ mục tiêu hiểu sâu tác phẩm, không thay thế việc phân tích văn học mà bổ trợ cho nó.

Thứ hai, xét từ góc độ đánh giá, phương pháp này đòi hỏi sự thay đổi trong cách tiếp cận kiểm tra – đánh giá. Các tiêu chí truyền thống (ghi nhớ, tái hiện kiến thức) không còn phù hợp hoàn toàn. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới đồng bộ giữa phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá.

Thứ ba, tính khả chuyển của mô hình cũng cần được xem xét. Trong môi trường Học viện Múa Việt Nam, nơi học sinh có nền tảng biểu diễn, sân khấu hóa phát huy hiệu quả rõ rệt. Tuy nhiên, khi áp dụng ở các trường phổ thông thông thường, hiệu quả có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: năng lực học sinh, điều kiện cơ sở vật chất, trình độ giáo viên. Do đó, cần có sự điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với từng bối cảnh giáo dục.

Các nghiên cứu trong lĩnh vực “drama in education” cũng cho thấy việc đưa yếu tố sân khấu vào lớp học góp phần phát triển tư duy sáng tạo, năng lực biểu đạt và khả năng hợp tác của người học (Heathcote, 1984; Boal, 1979). Điều này càng củng cố cơ sở khoa học cho việc vận dụng sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn. Có thể khẳng định rằng sân khấu hóa không chỉ là một kĩ thuật dạy học mà là một mô hình dạy học mang tính tích hợp, liên ngành và định hướng năng lực. Việc tiếp tục nghiên cứu theo hướng mở rộng quy mô, đa dạng hóa đối tượng và kết hợp với các phương pháp dạy học khác sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở lí luận và thực tiễn của phương pháp này trong dạy học Ngữ văn hiện nay. Kết quả thực nghiệm cho thấy sân khấu hóa đặc biệt phù hợp với môi trường Học viện Múa Việt

Nam, bởi học sinh ở đây có lợi thế về cảm nhận cơ thể, khả năng biểu đạt bằng hình thể và hứng thú với hoạt động biểu diễn. Trong bối cảnh ấy, việc chuyển thể văn bản văn học thành hành động sân khấu không chỉ hỗ trợ đọc hiểu mà còn tạo điều kiện để học sinh huy động thể mạnh chuyên môn vào học tập môn văn hóa. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng sân khấu hóa chỉ thực sự có giá trị sư phạm khi phục vụ mục tiêu hiểu sâu tác phẩm, chứ không biến giờ học Ngữ văn thành hoạt động biểu diễn thuần túy.”

3. KẾT LUẬN

3.1. Kết luận chung

Nghiên cứu bước đầu cho thấy sân khấu hóa tác phẩm văn học là một hướng dạy học khả thi tại Học viện Múa Việt Nam. Phương pháp này không chỉ góp phần nâng cao hứng thú học tập và phát triển năng lực cảm thụ văn học, mà còn phát huy thể mạnh biểu đạt hình thể của học sinh nghệ thuật. Tuy nhiên, để khẳng định vững chắc hơn hiệu quả của mô hình, cần tiếp tục triển khai nghiên cứu với quy mô rộng hơn, thời gian dài hơn và hệ thống đánh giá chặt chẽ hơn.

Trước hết, xét trên phương diện nhận thức, sân khấu hóa đã góp phần làm thay đổi bản chất của hoạt động tiếp nhận văn học, từ chỗ thiên về phân tích ngôn từ sang tiếp cận mang tính trải nghiệm và kiến tạo. Quá trình này giúp tri thức văn học được nội hóa một cách sâu sắc, bền vững và gắn liền với trải nghiệm cá nhân.

Thứ hai, nghiên cứu cho thấy phương pháp sân khấu hóa có tác động tích cực đến sự phát triển đa dạng các năng lực của học sinh, đặc biệt là năng lực thẩm mỹ, năng lực biểu đạt cảm xúc và năng lực sáng tạo. Trong môi trường đặc thù như Học viện Múa Việt Nam, điều này càng trở nên có ý nghĩa khi giúp kết nối chặt chẽ giữa học tập văn hóa và đào tạo chuyên môn nghệ thuật.

Thứ ba, nghiên cứu cũng khẳng định vai trò của yếu tố thực tiễn trong việc nâng cao hiệu quả dạy học. Việc tham chiếu các dàn dựng sân khấu chuyên nghiệp không chỉ cung cấp nguồn tư liệu phong phú mà còn giúp định hướng thẩm mỹ và nghề nghiệp cho học sinh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế và thách thức trong quá trình triển khai. Việc tổ chức sân khấu hóa đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và năng lực tổ chức của giáo viên; đồng thời cần có sự cân đối hợp lý giữa yêu cầu học thuật và yếu tố biểu diễn. Điều này đặt ra yêu cầu cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt chuyên môn, cũng như sự hỗ trợ từ phía nhà trường trong việc tạo điều kiện về thời gian và cơ sở vật chất.

Từ những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng sân khấu hóa tác phẩm văn học là một mô hình dạy học giàu tiềm năng, đặc biệt phù hợp với các môi trường giáo dục nghệ thuật. Trong thời gian tới, cần tiếp tục mở rộng nghiên cứu theo hướng đa dạng hóa đối tượng và bối cảnh áp dụng, đồng thời xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc thù của phương pháp. Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng năng lực cho giáo viên, đặc

biệt là năng lực tổ chức hoạt động học tập tích cực và tích hợp liên môn, cũng là yếu tố then chốt nhằm đảm bảo tính bền vững và hiệu quả lâu dài của việc triển khai sân khấu hóa trong dạy học Ngữ văn.

3.2. Giới hạn nghiên cứu và hướng phát triển

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, nghiên cứu này vẫn tồn tại một số giới hạn nhất định cần được nhìn nhận một cách khách quan nhằm định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo.

Trước hết, về quy mô nghiên cứu, thực nghiệm được tiến hành trên số lượng đối tượng còn hạn chế (02 lớp với 60 học sinh) trong phạm vi một cơ sở đào tạo đặc thù là Học viện Múa Việt Nam. Đặc điểm người học có thể đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai phương pháp sân khấu hóa. Do đó, kết quả nghiên cứu chưa thể khái quát hoàn toàn cho các đối tượng học sinh phổ thông ở những môi trường giáo dục khác, nơi điều kiện và đặc điểm người học có sự khác biệt.

Thứ hai, về thời gian thực nghiệm, nghiên cứu được triển khai trong phạm vi tương đối ngắn, chủ yếu tập trung vào một số văn bản tiêu biểu trong chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11. Điều này chưa cho phép đánh giá đầy đủ tác động lâu dài của phương pháp sân khấu hóa đối với sự phát triển năng lực của học sinh, đặc biệt là khả năng duy trì hứng thú học tập và sự chuyển biến bền vững trong năng lực cảm thụ văn học.

Thứ ba, về phương pháp đánh giá, mặc dù nghiên cứu đã kết hợp cả dữ liệu định lượng và định tính, song hệ thống công cụ đánh giá vẫn còn mang tính thử nghiệm, chưa được chuẩn hóa ở mức độ cao.

Từ những giới hạn trên, có thể đề xuất một số hướng phát triển cho các nghiên cứu tiếp theo. Trước hết, cần mở rộng quy mô nghiên cứu trên nhiều đối tượng học sinh ở các cấp học và loại hình trường khác nhau nhằm kiểm chứng tính khả chuyên và mức độ phù hợp của phương pháp sân khấu hoá. Ngoài ra, cần tăng cường nghiên cứu theo hướng liên ngành, kết hợp sâu hơn giữa dạy học Ngữ văn với các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác như sân khấu, điện ảnh, âm nhạc. Điều này không chỉ góp phần làm phong phú phương pháp dạy học mà còn mở rộng không gian trải nghiệm nghệ thuật cho học sinh.

Cuối cùng, việc bồi dưỡng năng lực tổ chức dạy học theo hình thức sân khấu hóa cho giáo viên cũng cần được quan tâm đúng mức. Đây là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả triển khai trong thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học ngày càng cao.

Như vậy, mặc dù còn những giới hạn nhất định, nghiên cứu đã mở ra những hướng tiếp cận mới có giá trị cho dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực, đồng thời đặt nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm hoàn thiện và phát triển phương pháp sân khấu hóa trong giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boal, A. (1979), *Theatre of the oppressed*, Pluto Press.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
3. Gardner, H. (1983), *Frames of mind: The theory of multiple intelligences*, Basic Books.
4. Heathcote, D. (1984), *Collected writings on education and drama*, Hutchinson.
5. Hugo, V. (1862/2006), *Les Misérables*, Penguin Classics.
6. Kolb, D. A. (1984), *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*, Prentice Hall.
7. Nam Cao (1941/2016), *Chí Phèo*, NXB Văn học.
8. Piaget, J. (1970), *Science of education and the psychology of the child*, Orion Press.
9. Vygotsky, L. S. (1978), *Mind in society: The development of higher psychological processes*, Harvard University Press.

PILOT STUDY ON TEACHING LITERARY WORKS THROUGH DRAMATIZATION AT THE VIETNAM DANCE ACADEMY

Trinh Thi Hong Hanh

Abstract: *This study investigates and evaluates the implementation of Literature teaching through dramatization at the Vietnam Dance Academy, a specialized arts education institution where students receive intensive training in physical performance. Drawing on an interdisciplinary perspective between literature and performing arts, particularly dance, the research conducts a pedagogical experiment with selected texts from the Grade 10 and Grade 11 Literature curriculum (the Kết nối tri thức với cuộc sống textbook series), including Xuý Vân giả dại (from the classical chèo play Kim Nham), the excerpt “The Authority Restored” (from Les Misérables by Victor Hugo), and Chí Phèo (by Nam Cao).*

The study designs and implements a teaching process comprising the following stages: text analysis, script development, staging, performance, and evaluation. Findings indicate that dramatization significantly enhances students’ learning engagement, fosters literary appreciation and aesthetic competence, and develops their capacity for emotional expression through physical movement.

The results reveal notable positive changes across both quantitative and qualitative dimensions. Furthermore, the study highlights that referencing professional stage productions contributes to enhancing practical relevance, career orientation, and overall training quality.

Keywords: *dramatization, Literature teaching, dance, competency development, interdisciplinary approach.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-01-2026; ngày phản biện đánh giá: 10-02-2026; ngày chấp nhận đăng: 06-3-2026)